

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị điều chỉnh một phần nội dung tại  
Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh**

Căn cứ Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh về việc thu hồi và điều chuyển 32 con trâu do Trung Tâm Dịch vụ Nông nghiệp- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý về UBND các huyện: Lộc Ninh, Bù Đăng, Bù Gia Mập để giao cho các hộ dân;

Sở Tài chính nhận được Công văn số 1621/SNN-TTĐVNN ngày 07/9/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đề nghị điều chỉnh số lượng hôn nhận trâu của xã Lộc Phú và xã Lộc Thuận huyện Lộc Ninh.

Với lý do: Trung Tâm dịch vụ Nông nghiệp tỉnh đã nhập nhầm là xã Lộc Phú 5 hộ và xã Lộc Thuận là 03 hộ.

Sau khi rà soát, Sở Tài chính nhận thấy cần thiết phải điều chỉnh lại nội dung tại Điều 1 Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 17/8/2022, cụ thể như sau:

Nội dung đã ghi tại Quyết định:

I. Huyện Lộc Ninh

Xã Lộc Phú: số hộ nhận trâu: 05 hộ

Xã Lộc Thuận: số hộ nhận trâu: 03 hộ

**Nay đề nghị điều chỉnh thành:**

I. Huyện Lộc Ninh

Xã Lộc Phú: số hộ nhận trâu: 03 hộ

Xã Lộc Thuận: số hộ nhận trâu: 05 hộ

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh.

Sở Tài chính kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh để thực hiện các bước tiếp theo./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, GCS, (M).



### QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi và điều chuyển 32 con trâu do Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý về UBND các huyện: Lộc Ninh, Bù Đăng, Bù Gia Mập để giao cho các hộ dân.

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi một số điều của quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Căn cứ Công văn số 882/UBND-KT ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh về phương án chuyển giao, thanh lý đàn trâu trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số thuộc các xã nông thôn mới giai đoạn 2014-2020 và hỗ trợ công chăm sóc;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2043/TTr-STC ngày 02/8/2022.

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Thu hồi 32 con trâu, tổng trọng lượng 10.912kg, với tổng giá trị là 873.012.000 đồng do Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý (thuộc Phương án hỗ trợ phát triển đàn trâu trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số) và điều chuyển về UBND các huyện: Lộc Ninh, Bù Đăng, Bù Gia Mập để giao cho các hộ dân, cụ thể như sau:

- Điều chuyển cho UBND huyện Lộc Ninh: 10 (mười) con trâu, tổng trọng lượng 3.461 kg, với tổng giá trị: 276.916.000 đồng.

- Điều chuyển cho UBND huyện Bù Gia Mập: 12 (mười hai) con trâu, tổng trọng lượng 4.164kg, với tổng giá trị: 333.132.000 đồng.

- Điều chuyển cho UBND huyện Bù Đăng: 10 (mười) con trâu, tổng trọng lượng 3.287kg, với tổng giá trị: 262.964.000 đồng.

*(Danh mục chi tiết tài sản theo Phụ lục đính kèm)*

**Điều 2.** Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện: Lộc Ninh, Bù Đăng, Bù Gia Mập phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp, Chủ tịch UBND các huyện: Lộc Ninh, Bù Đăng, Bù Gia Mập và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / *M*

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP; P.KT;
- Lưu: VT(M.Anh).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH** *ly*



*Trần Văn Mi*

**DANH SÁCH ĐÀN TRÀU ĐIỀU CHUYỂN CHO CÁC HUYỆN: LỘC NINH, BÙ GIÀ MẬP VÀ BÙ ĐĂNG**

(Kèm theo Quyết định số /QB-UBND ngày /2022 của UBND tỉnh)

Stt	Đơn vị nhận trâu	Số trâu (con)	Tuổi (năm)	Vòng ngực (cm)	Trọng lượng đo thực tế (kg)	5% trọng lượng đo thực tế (kg)	Trọng lượng còn lại sau khi ± 5% (kg)	Đơn giá (1000đ)	Thành tiền (1000đ)	Hộ đang nuôi trâu	Địa chỉ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7=6*5%	8=6±7	9	10=9*8			
<b>I HUYỆN LỘC NINH</b>												
1	Xã Lộc Thành - Lộc Ninh	1	10	158	306	15	321	80	25.704	Điều Trung	Phó Lò xã TL	Trâu mạp
2	Xã Lộc Thành - Lộc Ninh	1	10	160,2	320	16	336	80	26.880	Điều Đan	Phó Lò xã TL	Trâu mạp
3	Xã Lộc Phú - Lộc Ninh	1	10	161	325	16	341	80	27.300	Điều Tiếng	Phó Lò xã TL	Trâu mạp
4	Xã Lộc Phú - Lộc Ninh	1	10	163	338	17	355	80	28.392		Phó Lò xã TL	Trâu mạp
5	Xã Lộc Phú - Lộc Ninh	1	9	165	351	18	369	80	29.484	Điều Năng	Phó Lò xã TL	Trâu mạp
6	Xã Lộc Phú - Lộc Ninh	1	9	167	364	18	382	80	30.576	Điều Non	Phó Lò xã TL	Trâu mạp
7	Xã Lộc Phú - Lộc Ninh	1	8	164,8	348	17	365	80	29.232	Thị Chốt	Phó Lò xã TL	Trâu mạp
8	Xã Thuận - Lộc Ninh	1	10	159	312	16	296	80	23.712	Điều Đrăm	Sóc Giếng xã TL	Trâu gầy
9	Xã Thuận - Lộc Ninh	1	9	170	385	19	366	80	29.260	Điều Chơi	Sóc Giếng xã TL	Trâu gầy
10	Xã Thuận - Lộc Ninh	1	9	159,5	314	16	330	80	26.376	Điều Cây	Sóc Giếng xã TL	Trâu mạp
	<b>Tổng cộng</b>	<b>10</b>			<b>3.363</b>		<b>3.461</b>		<b>276.916</b>			
<b>II HUYỆN BÙ ĐĂNG</b>												
11	Xã Thống Nhất - Bùi Đăng	1	9	166	357	18	375	80	29.988	Điều Ngang	Sóc Giếng xã TL	Trâu mạp
12	Xã Thống Nhất - Bùi Đăng	1	8	160	318	16	334	80	26.712		Sóc Giếng xã TL	Trâu mạp

13	Xã Thống Nhất - Bộ Đảng	1	8	157	300	15	315	80	25.200	Điều Chế	Sóc Giếng xã TL	Trâu mạp
14	Xã Thống Nhất - Bộ Đảng	1	9	158	306	15	291	80	23.256		Sóc Giếng xã TL	Trâu gày
15	Xã Thống Nhất - Bộ Đảng	1	10	162	331	17	314	80	25.156	Điều Krám	Sóc Giếng xã TL	Trâu gày
16	Xã Đắc Nhau - Bộ Đảng	1	10	156	290	15	276	80	22.040	Điều Lợi	Sóc Giếng xã TL	Trâu gày
17	Xã Đắc Nhau - Bộ Đảng	1	10	162	331	17	314	80	25.156		Áp 1 xã AK	Trâu gày
18	Xã Đắc Nhau - Bộ Đảng	1	8	168	371	19	390	80	31.164	Điều Phích		Trâu mạp
19	Xã Đắc Nhau - Bộ Đảng	1	9	165,7	355	18	373	80	29.820	Thị Gái	Áp 1 xã AK	Trâu mạp
20	Xã Đắc Nhau - Bộ Đảng	1	10	160,7	322	16	306	80	24.472	Điều Nghĩa	Áp 5 xã AK	Trâu gày
	<b>Tổng cộng</b>	<b>10</b>			<b>3.281</b>		<b>3.287</b>		<b>262.964</b>			
<b>III HUYỆN BÙ GIA MẬP</b>												
21	Xã Đức Hạnh - H-BGM	1	9	160	318	16	334	80	26.712	Thị Lý (Sinh)	Áp 1 xã AK	Trâu mạp
22	Xã Phú văn - huyện BGM	1	10	166	357	18	375	80	29.988	Thị Srâu	Áp 5 xã AK	Trâu mạp
23	Xã Phú văn - huyện BGM	1	8	162	331	17	314	80	25.156			Trâu gày
24	Xã Phú văn - huyện BGM	1	9	166,8	362	18	380	80	30.408	Điều Kim	Áp 2 xã AK	Trâu mạp
25	Xã Phú văn - huyện BGM	1	9	165	351	18	333	80	26.676	Thị Chép	Áp 3 xã AK	Trâu gày
26	Xã Phú văn - huyện BGM	1	10	167,5	368	18	386	80	30.912			Trâu mạp
27	Xã Phú văn - huyện BGM	1	9	161	325	16	309	80	24.700	Thị Lưu	Áp 3 xã AK	Trâu gày
28	Xã Đăk Ô- huyện BGM	1	10	167	364	18	346	80	27.664	Điều Khăm	Áp 4 xã AK	Trâu gày
29	Xã Đăk Ô- huyện BGM	1	8	170	385	19	404	80	32.340	Điều Quốc Trung	Áp 4 xã AK	Trâu mạp
30	Xã Đăk Ô- huyện BGM	1	9	166,5	360	18	378	80	30.240			Trâu mạp



**UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1621 /SNN-TTĐVNN  
V/v đề nghị điều chỉnh số lượng  
hộ nhận trâu của xã Lộc Phú và  
xã Lộc Thuận huyện Lộc Ninh.

Bình Phước, ngày 07 tháng 09 năm 2022

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Bình Phước

Căn cứ Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thu hồi và điều chuyển 32 con trâu do Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp – Sở Nông nghiệp và PTNT quản lý về UBND các huyện: Lộc Ninh, Bù Đăng, Bù Gia Mập để giao cho các hộ dân.

Do sơ xuất trong khâu đánh máy nhập thông tin nên khi tham mưu văn bản, danh sách gửi Sở Tài Chính trình UBND tỉnh phê duyệt, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh đã nhập nhầm là xã Lộc Phú 5 hộ và xã Lộc Thuận là 3 hộ.

Do đó để giao đúng số hộ đã được UBND huyện Lộc Ninh thống nhất danh sách tiếp nhận hỗ trợ trâu giống theo Công văn số 1443/UBND – VX ngày 15/7/2022 của UBND huyện Lộc Ninh. Sở Nông nghiệp và PTNT kính đề nghị Sở Tài Chính xem xét trình UBND tỉnh điều chỉnh Danh sách đàn trâu điều chuyển cho huyện Lộc Ninh tại Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh Bình Phước, cụ thể điều chỉnh số hộ nhận trâu của hai xã của huyện Lộc Ninh: Lộc Phú là 3 hộ và Lộc Thuận là 5 hộ.

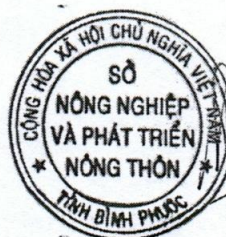
*(Có danh sách cụ thể kèm theo)*

Đề nghị Sở Tài Chính xem xét, trình UBND tỉnh điều chỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- BGĐ Sở;
- TTĐVNN;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lê Thị Ánh Tuyết**

**DANH SÁCH CÁC HỘ NUÔI TRÀU VÀ LÝ LỊCH ĐÀN TRÀU THUỘC PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN ĐÀN TRÀU TRONG VÙNG**

**ĐỒNG BẢO ĐTTTS THUỘC CÁC XÃ NTM GIAI ĐOẠN 2014-2020**

(Kèm theo Công văn số /SNV-TTĐ/VNN ngày tháng năm 2022)

Hội đồng sử dụng phương pháp đo trọng lượng (kg) = Dùng thước đo thể trọng bò (thước đo của ILRI-IAS-L1 Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Miền Nam, trâu mập cộng 5% trọng lượng đo thực tế, trâu ốm (gầy) trừ 5% trọng lượng đo thực tế).

Sst	Đơn vị nhận trâu	Số trâu (con)	Tuổi (năm)	Vòng ngực (cm)	Trọng lượng đo thực tế (kg)	5% trọng lượng đo thực tế (kg)	Trọng lượng còn lại sau khi ± 5% (kg)	Đơn giá (1000đ)	Thành tiền (1000đ)	Hộ đang nuôi trâu	Địa chỉ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7=6*5%	8=6±7	9	10=9*8			
<b>I HUYỆN LỘC NINH</b>												
1	xã Lộc Thành - Lộc Ninh	1	10	158	306	15	321	80	25.704	Điều Trung	Phố Lò xà TL	Trâu mập
2	xã Lộc Thành - Lộc Ninh	1	10	160.2	320	16	336	80	26.880	Điều Đan	Phố Lò xà TL	Trâu mập
3	xã Lộc Phú - Lộc Ninh	1	10	161	325	16	341	80	27.300	Điều Tiếng	Phố Lò xà TL	Trâu mập
4	xã Lộc Phú - Lộc Ninh	1	10	163	338	17	355	80	28.392		Phố Lò xà TL	Trâu mập
5	xã Lộc Phú - Lộc Ninh	1	9	165	351	18	369	80	29.484	Điều Năng	Phố Lò xà TL	Trâu mập
6	xã Lộc Thuận - Lộc Ninh	1	9	167	364	18	382	80	30.576	Điều Non	Phố Lò xà TL	Trâu mập
7	xã Lộc Thuận - Lộc Ninh	1	8	164.8	348	17	365	80	29.232	Thị Chót	Phố Lò xà TL	Trâu mập
8	xã Lộc Thuận - Lộc Ninh	1	10	159	312	16	296	80	23.712	Điều Đầm	Sóc Giếng xà TL	Trâu gầy
9	xã Lộc Thuận - Lộc Ninh	1	9	170	385	19	366	80	29.260	Điều Chơi	Sóc Giếng xà TL	Trâu gầy
10	xã Lộc Thuận - Lộc Ninh	1	9	159.5	314	16	330	80	26.376	Điều Cây	Sóc Giếng xà TL	Trâu mập
<b>Tổng cộng</b>		<b>10</b>			<b>3.363</b>		<b>3.461</b>		<b>276.916</b>			



## II HUYỆN BÙ ĐĂNG

11	Xã Thông Nhất - Bù Đăng	1	9	166	357	18	375	80	29.988	Điều Ngang	Sóc Giếng xã TL	Trầu mạp
12	Xã Thông Nhất - Bù Đăng	1	8	160	318	16	334	80	26.712		Sóc Giếng xã TL	Trầu mạp
13	Xã Thông Nhất - Bù Đăng	1	8	157	300	15	315	80	25.200	Điều Ché	Sóc Giếng xã TL	Trầu mạp
14	Xã Thông Nhất - Bù Đăng	1	9	158	306	15	291	80	23.256		Sóc Giếng xã TL	Trầu gày
15	Xã Thông Nhất - Bù Đăng	1	10	162	331	17	314	80	25.156	Điều Krâm	Sóc Giếng xã TL	Trầu gày
16	Xã Đặc Nhau - Bù Đăng	1	10	156	290	15	276	80	22.040	Điều Lợi	Sóc Giếng xã TL	Trầu gày
17	xã Đặc Nhau - Bù Đăng	1	10	162	331	17	314	80	25.156	Điều Phích	Áp 1 xã AK	Trầu gày
18	xã Đặc Nhau - Bù Đăng	1	8	168	371	19	390	80	31.164			Trầu mạp
19	xã Đặc Nhau - Bù Đăng	1	9	165.7	355	18	373	80	29.820	Thị Gái	Áp 1 xã AK	Trầu mạp
20	xã Đặc Nhau - Bù Đăng	1	10	160.7	322	16	306	80	24.472	Điều Nghĩa	Áp 5 xã AK	Trầu gày
	<b>Tổng cộng</b>	<b>10</b>			<b>3.281</b>		<b>3.287</b>		<b>262.964</b>			

## III HUYỆN BÙ GIA MẬP

21	xã Đức Hạnh - H-BGM	1	9	160	318	16	334	80	26.712	Thị Lý	Áp 1 xã AK	Trầu mạp
22	xã Phú văn - huyện BGM	1	10	166	357	18	375	80	29.988	Thị Sầu	Áp 5 xã AK	Trầu mạp
23	xã Phú văn - huyện BGM	1	8	162	331	17	314	80	25.156			Trầu gày
24	xã Phú văn - huyện BGM	1	9	166.8	362	18	380	80	30.408	Điều Kim	Áp 2 xã AK	Trầu mạp
25	xã Phú văn - huyện BGM	1	9	165	351	18	333	80	26.676	Thị Chép	Áp 3 xã AK	Trầu gày
26	xã Phú văn - huyện BGM	1	10	167.5	368	18	386	80	30.912			Trầu mạp
27	xã Phú văn - huyện BGM	1	9	161	325	16	309	80	24.700	Thị Lựu	Áp 3 xã AK	Trầu gày
28	xã Đăk O - huyện BGM	1	10	167	364	18	346	80	27.664	Điều Khâm	Áp 4 xã AK	Trầu gày

29	xã Đăk Ô- huyện BGM	1	8	170	385	19	404	80	32.340	Điều Quốc	Áp 4 xã AK	Trâu mập
30	xã Đăk Ô- huyện BGM	1	9	166.5	360	18	378	80	30.240	Trung		Trâu mập
31	xã Đăk Ô- huyện BGM	1	9	159	311	16	295	80	23.636	Điều Keo	Áp 1 xã AK	Trâu gầy
32	xã BGM - huyện BGM	1	9	161	325	16	309	80	24.700			Trâu gầy
	<b>Tổng cộng</b>	<b>12</b>			<b>4.157</b>		<b>4.164</b>		<b>333.132</b>			
	<b>Tổng (I + II + III)</b>	<b>32</b>			<b>10.801</b>		<b>10.912</b>		<b>873.012</b>			